

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2023/HS-ST
Ngày: 21-06-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Rạt

2/ Ông Nguyễn Chí Lin

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thành Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 71/2023/TLST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2023/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2023/HSST-QĐ ngày 09/6/2023, đối với bị cáo:

Tăng Văn N, sinh năm 1998, tại An Giang; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang**; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Tăng Văn H**, sinh năm 1967 (đã chết) và bà **Trần Thị Sa L**, sinh năm 1967; Anh, chị, em ruột: có 01 người sinh năm 1990; Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 26/8/2019, bị Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, xử phạt **Tăng Văn N** 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 21/10/2019, Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, xử phạt **Tăng Văn N** 01 năm tù, về tội Trộm cắp tài sản. Tổng hợp hình phạt, buộc **Tăng Văn N** chấp hành hình phạt chung của của 02 bản án là 02 năm tù. **Tăng Văn N** chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/02/2021, chưa thi hành xong phần án phí hình sự sơ thẩm.

Nhân thân: Ngày 19/8/2016, **Tăng Văn N** bị Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 15 tháng.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/11/2022 đến nay (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

- Bị hại: Ông **Liều Bảo Đ**, sinh năm 1975; (vắng mặt)

Địa chỉ: **Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp**.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông **Võ Thái B**, sinh năm 1982; (vắng mặt)

Địa chỉ: **Ấp P, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi**.

- Người làm chứng:

1. Ông **Trần Minh X**, sinh năm 1990. (vắng mặt)

Địa chỉ: **Ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An**.

2. Ông **Trần Trung N1**, sinh năm 2003. (vắng mặt)

Địa chỉ: **Ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 17 tháng 11 năm 2022, **P** (không rõ nhân thân lai lịch) điều khiển xe mô tô biển số 76V7-0944 chở **Tăng Văn N** lưu thông trên **đường M** theo hướng từ **cổng G, huyện Đ, tỉnh Long An** về huyện H, **Thành phố Hồ Chí Minh**. Khi đi đến **cửa hàng T** thuộc **ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An**, **P** phát hiện ông **L1** Bảo Đặc đang ngồi trên xe mô tô biển số 53Z9-0827 dừng trước lề đường trên tay đang sử dụng điện thoại di động. **P** rủ **N** chiếm đoạt điện thoại di động của ông **Đ** đem bán lấy tiền chia nhau tiêu xài, **N** đồng ý. **P** điều khiển xe mô tô biển số 76V7-0944 chở **N** áp sát bên trái của ông **Đ**, **N** ngồi sau dùng tay phải giật điện thoại đi động nhãn hiệu Oppo, loại A3S, màu tím có găng ốp lưng bằng nhựa màu đen của ông **Đ**. Sau khi giật được điện thoại của ông **Đ**, **P** tăng ga bỏ chạy được khoảng 10m thì xe mô tô biển số 76V7-0944 bị tắt máy, **P** và **N** bỏ xe mô tô chạy bộ khoảng 30m thì **N** bị nhân dân bắt giữ giao **Công an xã M** lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, riêng **P** chạy thoát.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HAVICO, loại C110, biển số 76V7-0944, số máy: VKV1P52FMHH602119, số khung VKVDCH045UM602119; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A3S, màu tím, 16GB, số sim 0903836177; 01 (một) ốp lưng bằng nhựa, màu đen.

Tại Kết luận định giá tài sản số 123 ngày 18/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự **huyện Đ, tỉnh Long An** kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A3S, màu tím, 16GB; 01 ốp lưng bằng nhựa, màu đen trị giá 763.300 đồng.

Tại bản cáo trạng số 78/CT-VKSĐH ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An truy tố bị cáo **Tăng Văn N** về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo **Tăng Văn N** thừa nhận bị cáo cướp giật tài sản và hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An phát biểu luận tội:

Lời khai nhận tội của bị cáo **Tăng Văn N** phù hợp với lời khai của bị cáo, phù hợp các chứng cứ khác thu thập được trong quá trình điều tra thể hiện trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định khoảng 18 giờ 30 phút ngày 17 tháng 11 năm 2022, trước **cửa hàng T** thuộc **ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An Phước** (không rõ nhân thân lai lịch) điều khiển xe mô tô biển số 76V7-0944 chở **Tăng Văn N** ngồi phía sau, áp sát bên trái của ông **L1** Bảo Đặc đang ngồi trên xe mô tô 53Z9-0827, nhanh chóng giật lấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A3S, màu tím, 16GB; 01 ốp lưng bằng nhựa, màu đen trị giá 763.300 đồng thì bị bắt giữ, riêng **P** chạy thoát. Do đó, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An truy tố bị cáo **Tăng Văn N** theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan sai.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, là bị cáo có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình. Trong quá trình điều tra, truy tố bị can **Tăng Văn N** thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo **Tăng Văn N** phạm tội “Cướp giật tài sản”; xử phạt bị cáo **Tăng Văn N** mức hình phạt từ 04 (bốn) đến 05 (năm) năm tù.

- Về xử lý vật chứng:

+ Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện Đ** đã tiến hành trao trả lại cho ông **L1** Bảo Đặc 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A3S, màu tím, 16GB; 01 ốp lưng bằng nhựa, màu đen theo biên bản về việc trả lại đồ vật tài liệu ngày 25 tháng 11 năm 2022, nên không đề cập xem xét.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu HAVICO, loại C110, biển số 76V7-0944, số máy: VKV1P52FMHH602119, số khung VKVDCH045UM602119 do ông **Võ Thái B** đứng tên chủ sở hữu, nhưng ông **B** xác định đã bán cho người khác, khi bán không có làm thủ tục sang tên chủ sở hữu, hiện không còn liên quan đến chiếc xe này, bị cáo **N** khai nhận xe này là phương tiện của **P** (chưa rõ nhân thân lai lịch). Đây là phương tiện sử dụng vào việc phạm tội nên đề nghị tịch thu sung công quỹ nhà nước.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại **Liều Bảo Đặc** sau khi nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không có yêu cầu bồi thường.

- Về án phí: Bị cáo **Tăng Văn N** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Đối với người tên **P** đã cùng thực hiện hành vi phạm tội với **Tăng Văn N**, quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch. Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công**

an huyện Đ tách hành vi của P theo quyết định tách hành vi số 03 ngày 16 tháng 3 năm 2023 tiếp tục điều tra xử lý sau.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo biết hành vi của bị cáo là sai và hối hận với hành vi phạm tội của mình, đề nghị hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị hại ông Liễu Bảo Đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Võ Thái B và người làm chứng ông Trần Minh X, ông Trần Trung N1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng xét thấy trong giai đoạn điều tra đã thể hiện đầy đủ lời khai và ý kiến của đương sự này nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự này theo quy định tại điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường, biên bản lời khai của bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, qua đó đủ cơ sở xác định: Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 17 tháng 11 năm 2022, trước cửa hàng T thuộc ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An Phước (không rõ nhân thân lai lịch) điều khiển xe mô tô biển số 76V7-0944 chở Tăng Văn N ngồi phía sau, áp sát bên trái của ông L1 Bảo Đặc đang ngồi trên xe mô tô 53Z9-0827, nhanh chóng giật lấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A3S, màu tím, 16GB; 01 ốp lưng bằng nhựa, màu đen trị giá 763.300 đồng thì bị bắt giữ, riêng P chạy thoát. Do đó, đủ cơ sở kết luận hành vi nêu trên của bị cáo Tăng Văn N đủ yếu tố cấu thành tội “cướp giật tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 171 Bộ luật hình sự

[4] Về tình tiết định khung hình phạt: Bị cáo Tăng Văn N sử dụng xe máy là nguồn nguy hiểm cao độ làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội là thuộc trường hợp dùng thủ đoạn nguy hiểm nên phải chịu tình tiết định khung hình phạt theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An truy tố bị cáo theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[5] Xét, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tới quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời ảnh hưởng tới trật tự an và an toàn xã hội. Bị cáo đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, nhận thức được hành vi cướp giật

tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi muốn có tiền tiêu xài một cách dễ dàng mà không muốn bỏ công sức lao động nên bị cáo đã cố ý phạm tội. Bị cáo thực hiện hành vi một cách táo bạo, liều lĩnh, dùng thủ đoạn nguy hiểm, chứng tỏ ý thức xem thường pháp luật của bị cáo. Bị cáo có nhân thân xấu từng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Bị cáo đã bị kết án về tội “trộm cắp tài sản” tuy nhiên khi chấp hành xong hình phạt bị cáo không lấy đó là bài học để tu dưỡng bản thân thành người có ích cho xã hội mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội vì vậy phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc mới tương xứng với hành vi phạm tội, cách ly khỏi xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[6] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đang có tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý đây là tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[7] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị xử phạt bị cáo mức án tù 04 (bốn) đến 05 (năm) tù, Hội đồng xét xử xét thấy mức án mà Kiểm sát viên đề nghị là phù hợp nên chấp nhận.

[9] Về xử lý vật chứng:

[9.1] Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã tiến hành trao trả lại cho ông L1 Bảo Đặc 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A3S, màu tím, 16GB; 01 ốp lưng bằng nhựa, màu đen theo biên bản về việc trả lại đồ vật tài liệu ngày 25 tháng 11 năm 2022 là phù hợp nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[9.2] Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu HAVICO, loại C110, biển số 76V7-0944, số máy: VKV1P52FMHH602119, số khung VKVDCH045UM602119 là phương tiện của đối tượng P (chưa rõ nhân thân lai lịch) do ông Võ Thái B đứng tên chủ sở hữu, ông B xác định đã bán lại cho người khác, khi bán không làm thủ tục sang tên chủ sở hữu và bị cáo N khai nhận đây là phương tiện của P. Xét thấy đây là phương tiện sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung công quỹ nhà nước là phù hợp.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Liễu Bảo Đ đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về án phí: Buộc bị cáo Tăng Văn N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[12] Đối với người tên P đã cùng thực hiện hành vi phạm tội với Tăng Văn N, quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ tách hành vi của P theo quyết định tách hành vi số 03 ngày 16 tháng 3 năm 2023 tiếp tục điều tra xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Tăng Văn N** phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 và Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo **Tăng Văn N** 04 (bốn) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/11/2022.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Tiếp tục tạm giam bị cáo **Tăng Văn N** 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (21/6/2023) để đảm bảo cho việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 xe mô tô nhãn hiệu HAVICO, loại C110, biển số 76V7-0944, số máy: VKV1P52FMHH602119, số khung VKVDCH045UM60211; do Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đang quản lý theo Quyết định chuyển vật chứng số 61/QĐ-VKSĐH và biên bản giao nhận vật chứng, tài sản cùng ngày 27/4/2023.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo **Tăng Văn N** phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Công an huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Cơ quan THAHS huyện Đức Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Long An;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu hồ sơ; VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thùy Trang

